

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-PT

Ngày: 24 - 8 - 2020

V/v HNGĐ xin ly hôn

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa: Ông **Ninh Quang Thế**

Các Thẩm Phán: - Bà **Nguyễn Thị Hiền**

- Ông **Đặng Minh Trung**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Võ Thị Thùy Linh** – Là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Văn Hùng** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án HNGĐ thụ lý số: 24/2020/TLPT-DS ngày 26 tháng 5 năm 2020 về việc “HNGĐ xin ly hôn”.

Do Bản HNGĐ sơ thẩm số: 70/2020/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 24/2020/QĐ-PT ngày 16 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Trần VH**, sinh năm 1958

Địa chỉ cư trú: Ấp T B, xã TAKN, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- Bị đơn: Bà **Nguyễn TT**, sinh năm 1958

Địa chỉ cư trú: Ấp T B, xã TAKN, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị đơn trong quan hệ chia tài sản: Ông **Đào Công K**, sinh năm 1964. Địa chỉ cư trú: Số 10D, LHP, khóm 7, phường 8, Tp.C, tỉnh Cà Mau, là người đại diện theo ủy quyền chứng thực ngày 23/7/2020

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Đ. Địa chỉ: Khóm 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

2. Anh Trần VD, sinh năm 1993

Địa chỉ cư trú: Ấp T B, xã TAKN, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

3. Anh Trần VC, sinh năm 1991

Địa chỉ cư trú: Ấp T B, xã TAKN, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

4. Bà Trần TL, sinh năm 1950

Địa chỉ cư trú: Ấp T B, xã TAKN, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

5. Bà Trần TN

Địa chỉ cư trú: Ấp T L, xã D, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

6. Ông Trần VB

Địa chỉ cư trú: Ấp TA, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

7. Ông Trần HN, sinh năm 1953

Địa chỉ cư trú: Ấp T B, xã TAKN, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

8. Bà Tạ HS, sinh năm 1971

Địa chỉ cư trú: Ấp TAN, xã TAKN, huyện Đ, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về hôn nhân: Trước khi chung sống với bà TT ông VH đã có vợ tên Huỳnh Thị V, hai người không ra tòa ly hôn bà V bỏ đi từ năm 1980 không biết địa chỉ. Năm 1984 ông VH và bà TT chung sống với nhau không ĐKKH. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, hai người đã ly thân khoảng 03 năm. Ông VH xin ly hôn với bà TT. Bà TT không đồng ý ly hôn.

Về con chung gồm: Trần Thu Th, sinh năm 1986, Trần VC, sinh năm 1988 và Trần VD, sinh năm 1993, đều trưởng thành.

Về tài sản có: 11.981,03m² đất tại Ấp T B, xã TAKN, huyện Đ, tỉnh Cà Mau do cụ Trần Văn Oai đứng tên Giấy chứng nhận (bút lục 69 đến 72). Phần đất có tứ cận tiếp giáp: Phía Đông giáp phần đất của ông Tô Phấn Đầu, Phía Tây giáp phần đất của bà Trần TL, Phía Nam giáp Kinh Giữa, Phía Bắc giáp phần đất của ông Tô Phấn Đầu. 01 căn nhà cấp 4 xây dựng tháng 11/2016, 01 căn nhà cây gỗ địa phương, 01 tủ áo nhôm, 01 tủ thờ, cây nước, công xỏ, 01 vỏ Composite và 01 máy Vanguard, các tài sản này bà TT đang quản lý sử dụng. Về các khoản nợ: Ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Đ 40.000.000 đồng, ông Trần HN 01 chỉ vàng 24k và bà Tạ HS số tiền 4.290.000 đồng.

- Ông VH yêu cầu toàn bộ phần đất nêu trên là của cá nhân ông được cha mẹ cho nên yêu cầu được nhận hết không đồng ý chia cho bà TT, số nợ Ngân hàng, nợ ông HN, bà HS ông tự thanh toán. Trường hợp chia đất thì yêu cầu bà TT có trách nhiệm trả ½ số nợ này. Các tài sản còn lại ông yêu cầu chia đôi, riêng vỏ và máy ông và bà TT thoả thuận ông nhận vỏ, bà TT nhận máy. Chấp nhận chia công sức đóng góp cho anh VC trong căn nhà là 15.000.000đ.

- Bà TT yêu cầu đổi với đất cha, mẹ chồng cho diện tích 06 công tầm lớn, sau đó chuyển nhượng của ông Trần HN 03 công đã được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Do phần đất không có đường xỏ nên bà và ông VH đã đổi đất cho ông HN sử dụng như hiện nay, khi ly hôn bà yêu cầu chia đôi đất, căn nhà là do VD và VC bỏ tiền ra xây cất nên giao cho VC và VD không chia, vỏ và máy đã thoả thuận ông VH nhận vỏ bà nhận máy, các tài sản khác bà đồng ý chia đôi và xin nhận hiện vật giao lại nửa giá trị cho ông VH. Các khoản nợ bà đồng ý cùng với ông VH có trách nhiệm trả cho các chủ nợ.

- Anh VC và anh VD cho rằng tiền xây nhà là do hai anh bỏ ra nên xin nhận nhà, không đồng ý phân chia theo yêu cầu của ông VH. Đối với đất các anh có công sức đóng góp, cải tạo nên yêu cầu được phân chia là 100.000.000đ.

- Ông HN xác định ông VH bà TT còn nợ ông 01 chỉ vàng 24kra chưa trả nhưng nay ông chưa yêu cầu đòi và không yêu cầu giải quyết trong vụ án này. Ông thừa nhận có đổi phần đất cho ông VH, bà TT hai bên đang sử dụng đất của nhau như hiện nay, ngoài ra không có việc chuyển nhượng đất nào khác giữa hai bên, ông đồng ý giữ nguyên hiện trạng đất đã đổi.

- Bà TL xác định trước đây ông VH và ông HN được cụ Oai cho đất, sau đó đã đổi đất cho nhau, phần đất ông VH sử dụng cụ Oai còn đứng tên Giấy chứng nhận, do cụ Oai đã chết nên giữ nguyên cho ông VH tiếp tục sử dụng và không có ý kiến gì.

- Bà HS xác định Ông VH, bà TT có thiếu tiền tô giống và tiền cân tô tổng số 4.290.000đ, bà không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Đ, bà Trần TN và ông Trần VB đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của bị đơn và vắng mặt không tham gia hòa giải, xét xử.

Từ nội dung trên, tại Bản án HNGĐ sơ thẩm số: 70/2020/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ quyết định:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Trần VH và bà Nguyễn TT.

2. Về tài sản:

2.1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông VH về phân chia 01 tủ nhôm.

2.2. Không chấp nhận yêu cầu của ông VH xác định phần đất theo thẩm định thực tế 11.981,03m² tại Ấp T B, xã TAKN, huyện Đ, tỉnh Cà Mau do cụ Trần Văn Oai đứng tên Giấy chứng nhận là tài sản riêng của ông VH.

2.3. Không chấp nhận yêu cầu của bà TT xác định căn nhà tường, mái lợp tôl nền đất kích thước 7,77m x 9,25m (diện tích 72m²) là tài sản của anh Trần VD và anh Trần VC.

2.4. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông VH và một phần yêu cầu phản tố của bà TT về việc phân chia tài sản chung. Các đương sự được hưởng các tài sản như sau:

* Phần tài sản bà TT được hưởng, gồm:

- Phần đất có diện tích là 5.287,23m² (liền kề với phần đất của ông Tô Phần Đẩu) (bao gồm đất ở và trồng cây lâu năm là 828,4m² và phần đất nuôi trồng thủy sản là 4.458.83m²).

- 01 căn nhà xây kích thước 7,77m x 9,25m; căn nhà gỗ kích thước 8,55m x 10,82m; 01 tủ áo (bằng cây), 01 tủ thờ, cây nước, cống xô và 01 máy Vanguard.

* Phần tài sản ông VH được hưởng, gồm:

- Phần đất có diện tích là 6.693,8m² (liền kề với phần đất của bà Trần TL) (bao gồm đất ở và trồng cây lâu năm là 810,3m² và phần đất nuôi trồng thủy sản là 5.883,5m²).

- 01 vỏ Composite và số tiền 74.430.000 đồng.

Bà TT đang quản lý các tài sản có nghĩa vụ giao lại cho ông VH diện tích đất 6.693,8m², 01 vỏ Composite và số tiền 74.430.000 đồng (bảy mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo và lãi suất chậm thi hành theo luật định.

- Ngày 18/5/2020 bà TT kháng cáo một phần về tài sản của Bản án sơ thẩm: Yêu cầu ông VH trả 6 chỉ vàng 24k tiền chuộc đất; Không đồng ý chia đất 6/4; Không đồng ý chia căn nhà tường cho rằng tiền cất nhà là của hai đứa con VD và Cường, đồng ý chia căn nhà gỗ nhưng xin được nhận tiền không nhận hiện vật.

- Ngày 18/5/2020 các anh VD, VC kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu không chia căn nhà tường vì tiền cất nhà là do các anh bỏ ra và yêu cầu chia tiền công sức đóng góp trong việc cải tạo đất vuông tôm cho hai anh bằng 100.000.000đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Bà TT, các anh VD, VC vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người đại diện theo ủy quyền về tài sản của bà TT: Yêu cầu HĐXX chấp nhận kháng cáo của bà TT và không chia căn nhà gỗ phía sau vì đã bị xấp vào ngày 20/8/2020.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu: Về tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của của bà TT, anh VD, anh VC. Sửa một phần án sơ thẩm theo hướng không chia căn nhà gỗ do đã bị xấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của bà TT và các anh VD, VC nộp trong hạn luật định nên được HĐXX xem xét theo quy định. Cấp sơ thẩm xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý, giải quyết đúng thẩm quyền theo quy định tại điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Đối với yêu cầu kháng cáo của bà TT:

- Yêu cầu ông VH trả 6 chỉ vàng 24k bà bỏ ra chuộc lại đất, vấn đề này cấp sơ thẩm bà không đặt ra, khi kháng cáo đến nay bà cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho việc bỏ vàng ra chuộc đất, hơn nữa bà cũng đã được phân chia đất với ông VH nên yêu cầu này của bà không được chấp nhận.

- Yêu cầu chia đôi đất: Vấn đề này Hội đồng xét xử xem xét về nguồn gốc đất bà thừa nhận của cha chồng cho, theo giấy chứng nhận QSDĐ xác định chỉ cho một mình ông VH, tuy nhiên quá trình chung sống cùng nhau sử dụng, cùng nhau trao đổi đất với ông HN, cùng nhau vay nợ Ngân hàng nên bà có công sức cải tạo,

bảo tồn phần đất này cho đến nay, điều quan trọng là quan hệ vợ chồng giữa bà và ông VH không được pháp luật thừa nhận, cấp sơ thẩm phân chia đất cho bà theo tỷ lệ 6-4 là có sự ưu tiên xem xét đến quyền lợi của bà, nên yêu cầu chia đất của bà theo tỷ lệ 5-5 không được chấp nhận.

- Yêu cầu không chia căn nhà tường vì tiền bỏ ra xây nhà là của hai con VD và Cường: Anh VD và anh VC là con chung của ông bà, ông bà nuôi dưỡng các anh trưởng thành trên phần đất này đến ngày hôm nay, hiện tại theo thừa nhận của các đương sự căn nhà từ khi ông VH bỏ đi đến nay vẫn chưa hoàn thành, một dấu hỏi đặt ra là chỉ còn một hạn mục nhỏ để hoàn thiện sao các anh không bỏ tiền ra hoàn thiện? Phải chăng cất nhà là việc lớn trong gia đình cha, mẹ phải là người chịu trách nhiệm chính, do đó cấp sơ thẩm xác định căn nhà này là của ông VH bà TT và phân chia cho hai ông bà là có căn cứ.

- Yêu cầu nhận giá trị đối với căn nhà sau cây gỗ địa phương: Giá trị căn nhà này được thẩm định giá trị 12.223.000đ các bên đều thống nhất giá trị này. Tại phiên tòa các đương sự xác định căn nhà gỗ đã bị xập ngày 20/8/2020 nên ông VH bà TT thống nhất không đặt ra phân chia, HĐXX chấp nhận thỏa thuận này của ông bà sửa phần này của án sơ thẩm, việc sửa này cấp sơ thẩm không có lỗi. Như vậy tài sản chung của ông VH bà TT được xác định không còn căn nhà gỗ nên số tiền bà TT hoàn lại cho ông VH được trừ đi 6.111.500đ.

[3] Đối với yêu cầu kháng cáo của anh VC và anh VD về hai vấn đề là tiền các anh bỏ ra xây dựng nhà, làm công và tiền công sức cải tạo đất: Quá trình giải quyết sơ thẩm Tòa án huyện Đ mời các anh tham gia tố tụng và nộp tiền án phí đối với yêu cầu độc lập của mình nhưng các anh đều vắng mặt và không thực hiện nộp án phí, làm cho việc giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm gặp khó khăn, nên cấp sơ thẩm đã tách yêu cầu của các anh ra giải quyết thành vụ án khác không cùng giải quyết trong cùng vụ án này, do đó yêu cầu kháng cáo của các anh không được chấp nhận.

[4] Những vấn đề khác của án sơ thẩm gồm quan hệ hôn nhân, con cái và một phần tài sản còn lại các đương sự không kháng cáo cấp phúc thẩm không xem xét đến.

[5] Về án phí phúc thẩm bà TT, anh VC, anh VD phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa một phần bản án HNGĐ sơ thẩm số: 70/2020/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn TT về việc phân chia lại một phần tài sản gồm đất, căn nhà xây, căn nhà gỗ:

- Bà TT được hưởng tài sản: Phần đất có diện tích là 5.287,23m² liền kề với phần đất của ông Tô Phan Đầu, (gồm đất ở và trồng cây lâu năm là 828,4m², đất nuôi trồng thủy sản là 4.458.83m²). Có các phía tiếp giáp:

- + Phía Đông giáp đất ông Tô Phấn Đầu (M5M4M3), dài 294,96m.
- + Phía Tây giáp phần đất phân chia cho ông VH (P1P2M2), dài 312,53m.
- + Phía Nam giáp sông Kinh Cùng (M5M6P1), dài 19,33m.
- + Phía Bắc giáp đất ông Tô Phấn Đầu (M3M2), dài 20,63m.

01 căn nhà xây kích thước 7,77m x 9,25m; 01 tủ áo (bằng cây), 01 tủ thờ, cây nước, cổng gỗ và 01 máy Vanguard.

- Ông VH được hưởng tài sản: Phần đất có diện tích là 6.693,8m² liền kề với phần đất của bà Trần TL, (gồm đất ở và trồng cây lâu năm là 810,3m², đất nuôi trồng thủy sản là 5.883,5m²). Có các phía tiếp giáp:

- + Phía Đông giáp phần đất phân chia cho bà TT (P1P2M2), dài 312,53m.
 - + Phía Tây giáp phần đất của bà Trần TL, dài 311,12m.
 - + Phía Nam giáp Sông Kinh Cùng (M8M7P1), dài 17,82m.
 - + Phía Bắc giáp đất ông Tô Phấn Đầu (M1M2), dài 25,74m.
- 01 vỏ Composite và số tiền 68.318.500 đồng.

Bà TT đang quản lý tài sản có nghĩa vụ giao lại cho ông VH diện tích đất 6.693,8m², và 68.318.500đ (Sáu mươi tám triệu ba trăm mười tám ngàn năm trăm đồng) (74.430.000đ – 6.111.500đ (½ trị giá căn nhà gỗ) = 68.318.500đ).

(kèm theo tích đo hiện trạng thửa đất của Trung tâm kỹ thuật – Công nghệ - Quan trắc Tài nguyên và Môi trường thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau và bản mô tả phân chia phần đất của Hội đồng xét xử sơ thẩm).

2. Không xét kháng cáo của các anh Trần VC và Trần VD về việc yêu cầu trả lại cho hai anh tiền cất nhà, tiền làm công là 183.000.000đ và tiền công sức đóng góp cải tạo đầu tư đất 100.000.000đ trong vụ án này. Giành quyền khởi kiện lại cho anh VC và anh VD về những vấn đề này thành vụ án khác theo trình tự quy định của pháp luật.

3. Án phí dân sự phúc thẩm bà TT được miễn nộp, bà được miễn dự nộp nên không đặt ra việc hoàn lại.

Các anh Trần VC và Trần VD phải chịu án phí phúc thẩm, ngày 18/5/2020 các anh đã dự nộp mỗi người 300.000đ tại Chi cục THA dân sự huyện Đ theo biên lai số 10645 và 10646 được giữ y.

4. Các phần khác của Bản án HNGĐ sơ thẩm số: 70/2020/DS-ST ngày 27 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Cà Mau không bị kháng cáo đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ninh Quang Thế